

Bản án số: 17/2025/HC-PT
Ngày 13 tháng 8 năm 2025
“V/v Khiếu kiện quyết định hành chính về
thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ khi thu
hồi đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Ông Ngô Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Hoàng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 379/2025/TLPT-HC ngày 19 tháng 5 năm 2025 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính về thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2025/HC-ST ngày 23/01/2025 và Quyết định sửa chữa, bổ sung số 19/2025/QĐ-TA ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang (Nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 86/2025/QĐPT-HC ngày 24 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Cụ **Nguyễn Thị T** (chết ngày 28/6/2024);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Thị T:

1.1. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1962 – Có mặt;

1.2. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1963 – Có mặt;

Cùng địa chỉ: Ấp Thanh Hòa, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp Thanh Hòa, xã Long Hưng, tỉnh Đồng Tháp);

1.3. Bà Nguyễn Thị Hồng T¹, sinh năm 1966 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 18/100C Trần Quang Diệu, Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là số 18/100C Trần Quang Diệu, phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh);

1.4. Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1968 – Có mặt;

Địa chỉ: Ấp Xóm Vông, xã Thanh Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp Xóm Vông, xã Long Hưng, tỉnh Đồng Tháp);

1.5. Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1975 – Có mặt;

Địa chỉ: Ấp Cây Xanh, xã Thanh Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp Cây Xanh, xã Long Hưng, tỉnh Đồng Tháp);

1.6. Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1973 – Có mặt;

1.7. Bà Nguyễn Thị Hồng L¹, sinh năm 1970 – Có mặt;

Cùng địa chỉ: Ấp Phước Thạnh, xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp Phước Thạnh, xã Long Hưng, tỉnh Đồng Tháp);

Người đại diện hợp pháp của các đương sự: Nguyễn Thị Hồng T¹, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Hữu P (Văn bản ủy quyền do Văn phòng công chứng Cửu Long công chứng ngày 29/7/2024): Ông Nguyễn Quốc H (Ông H cũng là một trong những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ T) – Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự: Nguyễn Thị Hồng T¹, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Thị Hồng L¹: Luật sư Trần Thanh Hùng, Văn phòng luật sư Trần Thanh Hùng thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang – Có mặt;

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh T;

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện: **Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T**, tỉnh Đ – Có yêu cầu xét xử vắng mặt;*

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1952 – Có mặt;

Địa chỉ: Đội 10, ấp Bình Hòa Đông, xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang (Nay là Đội 10, ấp Bình Hòa Đông, xã Đồng Sơn, tỉnh Đồng Tháp);

3.2. Bà Nguyễn Thị T², sinh năm 1953 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Song Trăng, xã Hưng Hà, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An (Nay là ấp Song Trăng, xã Hưng Điền, tỉnh Tây Ninh);

3.3. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1969 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Cây Xanh, xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp Cây Xanh, xã Long Hưng, tỉnh Đồng Tháp);

3.4. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1965 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Miếu Hội, xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp Miếu Hội, xã Long Hưng, tỉnh Đồng Tháp);

3.5. Chị Nguyễn Thị Mỹ H¹, sinh năm 1996 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Giáp Nước, xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp Giáp Nước, xã Long Hưng, tỉnh Đồng Tháp);

4. Người kháng cáo:

4.1. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện gồm các đương sự: Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Quốc H;

4.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M (Nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đ);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/3/2024 và lời khai tiếp theo, người khởi kiện và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện trình bày:

Hộ cụ Nguyễn Văn Q (chồng của cụ Nguyễn Thị T) được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 11071 ngày 17/6/2004 đối với Thửa đất số 70, Tờ bản đồ số 02, diện tích 1.505 m², loại đất V+T tại ấp Xóm Vông, xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành (Nay là ấp Giáp Nước, xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho), tỉnh Tiền Giang. Trên đất có căn nhà, sau khi cụ Q chết (ngày 18/12/2007) thì cụ Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Quốc H ở trong ngôi nhà này. Tháng 3 năm 2023, khi đo đạc làm Khu tái định cư Cầu Rạch Miếu 2 thì Thửa đất số 70 chuyển đổi thành Thửa đất số 101.

Theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng ngày 28/3/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tiền Giang thì Thửa đất số 70 (số thửa mới là 101) có diện tích thực tế là 1.512,3 m² đất ở tại nông thôn và cây lâu năm (tăng 7,3 m² do sai số đo đạc). Trong đó, diện tích trong dự án là 962,8 m², diện tích còn lại là 549,5 m².

Quyết định số 9127/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M (*Sau đây viết tắt là Quyết định số 9127*) phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho cụ Nguyễn Thị T lại bồi thường toàn bộ diện tích thu hồi 962,8 m² theo giá đất cây lâu năm mà không bồi thường theo giá đất ở nông thôn và nhà; đồng thời, đất giáp lối đi 02 mét nhưng lại xác định không giáp đường đi nên đã áp giá bồi thường không đúng. Cụ T khiếu nại Quyết định số 9127 thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M

ban hành Quyết định số 312/QĐ-UBND (*Sau đây viết tắt là Quyết định số 312*) bác khiếu nại của cụ T.

Cụ Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 9127 và Quyết định số 312.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M trình bày:

Thực hiện Khu tái định cư dự án Cầu Rạch Miễu 2, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành các quyết định gồm: Quyết định số 9076/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 thu hồi của cụ Nguyễn Thị T (người thừa kế của cụ Nguyễn Văn Q) diện tích 962,8 m² đất thuộc một phần Thửa đất số 101 (Thửa cũ số 70) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 11071 ngày 17/6/2004 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho hộ cụ Nguyễn Văn Q; Quyết định số 9121/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 (*Sau đây viết tắt là Quyết định số 9121*) phê duyệt kinh phí bồi thường cho 43 hộ dân và Quyết định số 9127/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 phê duyệt kinh phí bồi thường cho hộ cụ Nguyễn Thị T 2.654.350.620 đồng. Trong đó: Bồi thường 962,8 m² đất trồng cây lâu năm khu vực 2 vị trí 4, đất vị trí còn lại không tiếp giáp đường, đơn giá 2.581.000 đồng/m², giảm trừ 93,9 m² đã được bồi thường khi thực hiện dự án kéo mạch hai đường dây điện 220KV; Chuồng heo 82.787.680 đồng; Cây trái, hoa màu 100.041.400 đồng.

Tuy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện Thửa đất số 70 loại đất T+V nhưng thực tế cụ T và cụ Q chỉ sử dụng thửa đất này để canh tác nông nghiệp, không sử dụng làm nhà ở và không thường trú trên thửa đất này cho đến khi giải tỏa, nên việc cụ T yêu cầu bồi thường 300 m² đất thổ cư là không phù hợp khoản 2 Điều 74, điểm a khoản 4 Điều 103 Luật đất đai năm 2013 và điểm a khoản 3 Điều 5 Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 03/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang. Thửa đất của cụ T không tiếp giáp đường đi nên việc áp giá đền bù khu vực 2 vị trí 4 là phù hợp Quyết định số 1780/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang phê duyệt giá đất cụ thể bồi thường Khu tái định cư dự án cầu Rạch Miễu 2, nên việc cụ T khiếu nại yêu cầu bồi thường 300 m² đất thổ cư và nâng mức giá bồi thường cho cụ T theo giá bồi thường cho các hộ xung quanh là không có cơ sở. Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M đã ban hành Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 bác khiếu nại của cụ T.

Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất ý kiến của người khởi kiện và không bổ sung gì thêm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2025/HC-ST ngày 23/01/2025 và Quyết định sửa chữa, bổ sung số 19/2025/QĐ-TA ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Khoản 4 Điều 32; Điều 116; Điều 158; Khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Các điều: 11, 62, 63, 66, 69, 74, 75,

204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị T do những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Thị T là Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Hồng T¹, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Thị Hồng L¹, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Hữu P đại diện về khiếu kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất. Tuyên hủy các Quyết định số 9127/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M về việc phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ cho cụ Nguyễn Thị T và Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M về việc giải quyết khiếu nại của cụ T; Hủy một phần Quyết định số 9121/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M về việc phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ cho 43 hộ dân đối với phần quyết định hỗ trợ cho cụ Nguyễn Thị T.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng; về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/02/2025, các đương sự: Nguyễn Quốc H, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Hữu P có chung đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, xác định vị trí đất bị thu hồi của cụ T là vị trí 3 (không phải là vị trí 4).

Ngày 05/3/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M có đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Nguyễn Quốc H giữ nguyên kháng cáo yêu cầu xác định đất bị thu hồi là vị trí 3, không phải là vị trí 4 và không đồng ý kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M. Ông thống nhất ý kiến của luật sư;

Các đương sự: Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Hồng T¹, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Thị Hồng L¹, Nguyễn Hữu P thống nhất ý kiến của ông Nguyễn Quốc H và thống nhất ý kiến của luật sư;

Luật sư Trần Thanh Hùng đề nghị chấp nhận kháng cáo của các đương sự: Nguyễn Quốc H, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Thị Hồng L, xác định đất thu hồi là vị trí 3 vì đất của cụ Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị Hồng L¹ có nguồn gốc chung một thửa đất giáp với đường đi, sau này mới tách ra riêng cho cụ Q đứng tên Thửa đất số 70, nên phải được xác định vị trí 3; Giấy nộp thuế của ông H cũng ghi vị trí 3. Bản án sơ thẩm chấp nhận cụ T yêu cầu bồi thường 300 m² đất ở là có căn cứ nên đề nghị bác kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ T.

Bà Nguyễn Thị B không có ý kiến;

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; Đơn kháng cáo hợp lệ; Về nội dung đề nghị bác tất cả các kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện gồm các đương sự: Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Quốc H và đơn kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M (Nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đ) đều đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa được triệu tập hợp lệ, người bị kiện có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, các đương sự khác vắng mặt nhưng đều là người không có liên quan đến kháng cáo và sự vắng mặt của họ không vì lý do khách quan hoặc bất khả kháng, nên theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính, việc xét xử phúc thẩm vẫn được tiến hành.

[2] Cụ Nguyễn Thị T khởi kiện đối với quyết định hành chính chưa quá 01 năm kể từ ngày nhận được quyết định hành chính. Quyết định số 9121/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện nên cần phải xem xét theo quy định tại Điều 193 Luật tố tụng hành chính. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định về thời hiệu khởi kiện, đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng quy định tại các điều 30, 32, 116, 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 thì thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân là Ủy ban nhân dân cấp huyện (không thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân), do đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Quyết định số 9127 và Quyết định số 9121 là không đúng thẩm quyền.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Quyết định số 312 là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011;

[4] Cụ Nguyễn Văn Q (là chồng của cụ Nguyễn Thị T) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 11701 QSDĐ ngày 17/6/2004 hai thửa đất gồm: Thửa đất số 61, diện tích 1.760 m², loại đất V+T, Tờ bản đồ số 1 và Thửa đất số 70, diện tích 1.505 m², loại đất V+T, Tờ bản đồ số 2 đều tọa lạc tại ấp Cây Xanh, xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Thực hiện Khu tái định cư dự án đầu tư, xây dựng công trình Cầu Rạch Miễu 2, Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho ban hành Quyết định số 9076/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 thu hồi 962,8 m² đất thuộc Thửa đất số 70, diện tích 1.505 m², loại đất V+T.

[5] Theo Sơ đồ thửa đất tại Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 28/3/2023 và Biên bản kiểm đếm đất đai, nhà cửa, công trình xây dựng, cây trồng và tài sản khác bị ảnh hưởng ... do Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất lập ngày 24/4/2023 thể hiện trên phần diện tích bị thu hồi có một phần nhà ở, chuồng heo, sân xi măng, nhiều cây trồng, phần còn lại không bị thu hồi của Thửa đất số 70 đa phần là hành lang an toàn đường dây 220 KV.

Như vậy, trên phần diện tích bị thu hồi có một phần nhà ở, chuồng heo, sân xi măng, phần còn lại không bị thu hồi của Thửa đất số 70 là hành lang an toàn đường dây 220 KV nên không được phép cất nhà, trong khi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Thửa đất số 70, là đất V+T. Do đó, người khởi kiện yêu cầu phải bồi thường diện tích đất bị thu hồi có đất ở là có cơ sở. Tuy nhiên, việc xác định hạn mức đất ở của hộ gia đình, cá nhân tại tỉnh Tiền Giang đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 03/6/2015. Cụ Q được cấp Thửa đất số 61 và Thửa đất số 70 đều thể hiện là loại đất V+T mà không ghi rõ diện tích đất T của mỗi thửa đất là bao nhiêu, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định cụ thể diện tích đất ở 300 m² là không chính xác, vì ngoài phần diện tích đất bị thu hồi tại Thửa đất số 70 thì hộ gia đình cụ T vẫn còn diện tích đất ở tại Thửa đất số 61.

[6] Quyết định số 9127 và Quyết định số 9121 đều được ban hành không đúng thẩm quyền; đồng thời nội dung Quyết định số 9127 và một phần Quyết định số 9121 không bồi thường đất ở cho cụ T là không đúng pháp luật như đã phân tích trên, nên Bản án sơ thẩm đã hủy Quyết định số 9127 và một phần Quyết định số 9121 là có cơ sở;

Do Quyết định số 9127 không đúng pháp luật nên Quyết định số 312 giữ nguyên Quyết định số 9127 cũng là không đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy không có căn cứ để sửa Bản án sơ thẩm theo yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M.

[7] Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang lập ngày 04/6/2024 thể hiện phần diện tích bị thu hồi nằm giữa đất của ông Nguyễn Quốc H và đất của bà Nguyễn Thị Hồng L¹, không tiếp giáp với đường đi; để đi ra đường thì phải đi qua đất của bà L¹ hoặc đi qua đất của ông H nên Ủy ban nhân dân thành phố M xác định diện tích thu hồi vị trí 4 khu vực 2 là đúng quy định tại Quyết định số 1780/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các đương sự: Nguyễn Quốc H, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Hữu P.

[8] Từ các phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đ) và không chấp nhận kháng cáo của các đương sự: Nguyễn Quốc H, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Hữu P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

[9] Do không được chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[10] Quyết định của Bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng; về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh T (Nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đ) và không chấp nhận kháng cáo của các đương sự: Nguyễn Quốc H, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Hữu P; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2025/HC-ST ngày 23/01/2025 và Quyết định sửa chữa, bổ sung số 19/2025/QĐ-TA ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang (Nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp).

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị T do những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Thị T gồm các đương sự: Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Hồng T, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Thị Hồng L¹, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Quốc H đại diện;

- Hủy Quyết định số 9127/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi Khu tái định cư dự án đầu tư, xây dựng công trình cầu Rạch Miễu 2 nối tỉnh Tiền Giang và tỉnh Bến Tre (Khu tái định cư cầu Rạch Miễu 2);

- Hủy Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T (lần đầu);

- Hủy một phần Quyết định số 9121/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M phê duyệt Phương án và kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện Khu tái định cư dự án đầu tư, xây dựng công trình cầu Rạch Miễu 2 nối tỉnh Tiền Giang và tỉnh Bến Tre (Khu tái định cư cầu Rạch Miễu 2) đối với phần tại số thứ tự 06 “Những người được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật của ông

Nguyễn Văn Q” của Danh sách đính kèm Quyết định số 9121/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M;

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh T phải nộp án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) và được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu số 0000118 ngày 13/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp);

Mỗi đương sự: Nguyễn Quốc H, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Thị Hồng L phải nộp án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*)/người và được khấu trừ tạm ứng án phí mỗi người đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo các biên lai thu số 0000059, số 0000060 và số 0000061 cùng ngày 05/02/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp);

4. Quyết định của Bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng; về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và Kiểm sát XXPT Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP (NTHN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

